TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 163/2020/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 23 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 230/2020/TLST-VDS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trịnh Tuấn A, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Dương Thị M, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13 tháng 9 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ đối với công việc của nhau dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã nhiều lần cho nhau cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng và cũng được hai bên gia đình

phân tích, hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Anh chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh Tuấn A và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M có 03 con chung là Trịnh Dương Mai P, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012; Trịnh Dương Gia H, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 và Trịnh Dương Tuấn D, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2018. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cho anh Trịnh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Dương Tuấn D, giao cho chị Dương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Dương Mai P và Trịnh Dương Gia H. Anh Tuấn A và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Tuấn A, chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh Tuấn A và chị M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao cho anh Trịnh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Dương Tuấn D, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2018, giao cho chị Dương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Dương Mai P, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012; Trịnh Dương Gia H, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015. Anh Tuấn A và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Tuấn A, chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

1.3. Về tài sản chung: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Tuấn A và chị Dương Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0009922 và Biên lai số 0009923 ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 44, quyển số 01, ngày 13/9/2011);
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)